TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2018/HNGĐ - ST
Ngày 16/11/2018
V/v " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Như Long
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Công Chiểu
2. Bà Trần Thị Huệ

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Mai Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2018/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị L.
Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai;
Nơi ở: Thôn K, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn N.
Địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/7/2018 và các bản tự khai của chị Triệu Thị L, anh Đặng Văn N cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án thì chị Triệu Thị L và anh Đặng Văn N tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán ở địa phương. Đến ngày 04/10/2012 anh, chị mới đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống hòa thuận hạnh phúc đã có 02 con chung với nhau. Đến năm 2013 thì sảy

ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong làm ăn tạo dựng cuộc sống gia đình và nuôi dậy con cái, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, thiếu sự tôn trọng đối với bản thân và đôi bên gia đình. Việc này đã được gia đình đôi bên khuyên giải nhưng đều không có kết quả. Thực tế chị Triệu Thị L đã tự bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở từ năm 2014 cho đến tháng 2/2016 chị L đã làm đơn xin ly hôn anh Đặng Văn N nhưng sau đó chị đã rút đơn về đoàn tụ được Tòa án chấp nhận và đã có quyết định đình chỉ vụ án số 11/2016/QĐST - HNGĐ ngày 24/02/2016. Sau khi rút đơn về đoàn tụ, không những vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn mà thậm trí để cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Đến nay chị Triệu Thị L xét thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, không ai quan tâm thăm hỏi gì đến nhau. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị Triệu Thị L có yêu cầu và nguyện vọng xin được ly hôn anh Đặng Văn N. Anh Đặng Văn N không nhất trí ly hôn và anh có yêu cầu xin được đoàn tụ, với lý do tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Về con chung: Chị Triệu Thị L và anh Đặng Văn N đều xác nhận anh, chị chung sống với nhau đến nay đã có 02 con chung. Cháu Triệu Nhật D - Sinh ngày 23/11/2009; Cháu Đặng Bảo N - Sinh ngày 19/5/2013 hiện các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường và đang ở cùng với anh Đặng Văn N tại Thôn C, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Khi ly hôn chị Triệu Thị L có yêu cầu và nguyện vọng để cho anh Đặng Văn N được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu Triệu Nhật D và cháu Đặng Bảo N và chị có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cho cháu Triệu Nhật D mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi theo yêu cầu nguyện vọng của anh Đặng Văn N.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Triệu Thị L và anh Đặng Văn N đều xác nhận: Trong thời gian chung sống anh, chị chưa tạo dựng được tài sản gì chung, không vay mượn gì của ai và cũng không cho ai vay mượn gì nên anh, chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Trình bày những quan điểm về thủ tục tố tụng tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các bước thu thập chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật cố tình trốn tránh gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên Tòa án đã tiến hành các biện pháp tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng

quy định của pháp luật. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử cho chị Triệu Thị L ly hôn với anh Đặng Văn N.

Xử giao cháu Triệu Nhật D - Sinh ngày: 23/11/2009 và cháu Đặng Bảo N - Sinh ngày 19/5/2013 cho anh Đặng Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Triệu Thị L phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cho cháu Triệu Nhật D mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Triệu Nhật D trưởng thành đủ 18 tuổi.

Tuyên lãi xuất chậm thi hành án, quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con sau khi ly hôn, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm vấn công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị L và anh Đặng Văn N tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Đến ngày 04/10/2012 anh, chị mới đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Đây là một hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống hòa thuận hạnh phúc đã có 02 con chung với nhau. Đến năm 2013 vợ chồng sảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mau thuẫn là do bất đồng quan điểm trong làm ăn tạo dựng cuộc sống gia đình và nuôi dậy con cái, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, thiếu sự tôn trọng đối với bản thân và đôi bên gia đình. Việc này đã được gia đình đôi bên khuyên giải nhưng đều không có kết quả. Thực tế chị Triệu Thị L đã tự bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở từ năm 2014 cho đến tháng 2/2016 chị L đã làm đơn xin ly hôn anh Đặng Văn N nhưng sau đó chị đã rút đơn về đoàn tụ được Tòa án chấp nhận và đã có quyết định đình chỉ vụ án số 11/2016/QĐST - HNGĐ ngày 24/02/2016. Sau khi rút đơn về đoàn tụ, không những vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn mà thậm trí để cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Đến nay chị Triệu Thị L xét thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị Triệu Thị L có yêu cầu và nguyện vọng xin được ly hôn anh Đặng Văn N.

Đối với anh Đặng Văn N trong quá trình giải quyết vụ án anh Đặng Văn N đã có bản tự khai trong hồ sơ vụ án, anh cũng xác nhận về thời gian nguyên nhân mâu thuẫn như chị Triệu Thị L trình bầy là đúng. Từ đó chị Triệu Thị L đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở Thôn K, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai từ năm 2014 cho đến nay. Trong thời gian này vợ chồng không quan tâm thăm hỏi gì nhau và cũng không có trách nhiệm gì với nhau nữa. Nay chị Triệu Thị L làm đơn khởi kiện xin được ly hôn, anh Đặng Văn N không nhất trí ly hôn và có yêu cầu nguyện vọng xin được đoàn tụ với lý do mâu thuẫn chưa trầm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đặng Văn N là bị đơn trong vụ án để anh Nhất tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự với nhau, nhưng anh Đặng Văn N đều vắng mặt và không có lý do, cố tình trốn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Do vậy vụ án này Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay chị Triệu Thị L vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn đối với anh Đặng Văn N với lý do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được.

Xét yêu cầu của chị Triệu Thị L và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các qui định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Bởi lẽ mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác anh Đặng Văn N có yêu cầu xin đoàn tụ nhưng bản thân anh không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn mà thậm chí còn để mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Thực tế vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, không ai quan tâm thăm hỏi gì nhau và cũng không có trách nhiệm gì với nhau nữa.

[2].Về con chung:

Tại phiên tòa hôm nay và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì chị Triệu Thị L và anh Đặng Văn N đều xác nhận anh, chị chung sống với nhau đến nay đã có 02 con chung. Cháu Triệu Nhật D; Sinh ngày 23/11/2009; Cháu Đặng Bảo N - Sinh ngày 19/5/2013, hiện nay các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường và đang ở cùng với anh Đặng Văn N tại gia đình ông bà nội ở Thôn C, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Tại phiên tòa chị Triệu Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu và nguyện vọng để cho anh Đặng Văn N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 cháu Triệu Nhật D và cháu Đặng Bảo N và chị L có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cho cháu Triệu Nhật D mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi theo yêu cầu nguyện vọng của anh Đặng Văn N (BL 24, 25, 26).

Xét yêu cầu của chị Triệu Thị L và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với các với các quy định tại các Điều 81,82, 83 luật hôn nhân và gia đình, phù hợp với tâm tư và nguyện vọng của các cháu. Đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp và sự phát triển về mọi mặt cho

các cháu. Nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận là có căn cứ. Bởi lẽ chị Triệu Thị L cũng xác định hiện nay chị đi làm ăn chưa có điều kiện ổn định để nuôi dưỡng các cháu. Mặt khác hiện nay các cháu Triệu Nhật D và cháu Đặng Bảo N đều đang ở với anh Đặng Văn N tại gia đình ông bà nội nên anh Đặng Văn N có đủ điều kiện hơn chị trong việc chăm sóc, giáo dục con. Mặt khác tại phiên tòa chị Triệu Thị L cũng xác định hiện nay bản thân chị có thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 6.000.000đ nên chị có đủ điều kiện để cấp dưỡng cho cháu Triệu Nhật D mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo yêu cầu của anh Đặng Văn N. Nên hội đồng xét xử cần xem xét và chấp nhận là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]Về tài sản và công nợ chung:

Tại phiên tòa hôm nay và các tài liệu, chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án, thì chị Triệu Thị L anh Đặng Văn N đều xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị chưa tạo dựng được tài sản gì chung, vợ chồng không vay mượn gì của ai và cũng không cho ai vay mượn gì. Nên anh, chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị L ly hôn với anh Đặng Văn N.

2.Về con chung: Xử giao cháu Triệu Nhật D - Sinh ngày: 23/11/2009 và cháu Đặng Bảo N - Sinh ngày 19/5/2013 cho anh Đặng Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Triệu Thị L phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cho cháu Triệu Nhật D mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Triệu Nhật D trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất chậm trả do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, chị Triệu Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con mà không ai được cản trở.

3.Về án phí: Chị Triệu Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng định kỳ. Tổng cộng hai khoản là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0007644 ngày 03/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Chị Triệu Thị

L còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm tại chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- *TAND tỉnh Lào Cai;*
- *VKSND huyện BT(2);*
- *Chi cục THA dân sự huyện BT;*
- *UBND xã X, huyện BT;*
- *Các đương sự (2);*
- *Lưu HS – TA - VP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Như Long